

Bản án số: 06/2017/DS - PT
Ngày 23/8/ 2017

Về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung là
di sản thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoa.**
- Các thẩm phán: **Ông Phạm Văn Khôi**
Ông Lê Văn Tài.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Bà Bùi Thị Thúy – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 22 và 23/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2017/TLPT- DSPT ngày 31/5/2017 về việc “*tranh chấp chia tài sản chung là di sản thừa kế*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS - ST ngày 18/4/ 2017 của Tòa án nhân dân thành phố N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐPT – DS ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lã Thị S– sinh năm 1961

Bị đơn: Anh Lã Văn X– sinh năm 1972

Bà Vũ Thị C– sinh năm 1951

Đều trú tại: Thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lã Văn T
2. Anh Lã Văn H
3. Chị Lã Thị L

4. Chị Lã Thị L1

5. Ông Lã Văn C

6. Bà Tạ Thị N

Đều trú tại Thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

7. Bà Lã Thị Na- sinh năm 1968; trú tại Phố H, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình

8. Ủy ban nhân dân thành phố N. Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Xuân T - Chủ tịch UBND thành phố N.

Đại diện theo ủy quyền của ông Thứ: Bà Đinh Thị Mỹ H – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N.

Tại phiên tòa có mặt: bà S, bà C, anh X ông C, bà N.

Vắng mặt anh T, anh H, chị L, bà N không có lý do; đại diện Ủy ban nhân dân thành phố N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải Bà Lã Thị Strình bày:

Cha bà là cụ Lã Văn T (chết năm 1993) không để lại di chúc, mẹ bà là cụ Nguyễn Thị T (chết năm 2009) có để lại di chúc. Cụ T 1 và cụ T sinh được 7 người con là: Ông Lã Văn Y (liệt sỹ năm 1968) có vợ là Tạ Thị N và có một con trai là Lã Văn H; ông Lã Văn K (liệt sỹ) không có vợ con; ông Lã Văn B (liệt sỹ) không có vợ con; ông Lã Văn T (chết năm 2005) có vợ là Vũ Thị C con 4 con là anh Lã Văn X, anh Lã Thị L, chị Lã Thị L, anh Lã Văn T; ông Lã Văn C; bà Lã Thị N; bà Lã Thị S.

Khi còn sống bố mẹ bà có khối tài sản chung là đất ông cha để lại từ trước năm 1980, không có giấy tờ. Theo bản đồ năm 1985 xã N thì bố mẹ bà được đứng tên trên bản đồ có tổng diện tích là 2.700m² ở 5 thửa gồm: Thửa 397 diện tích 1.370m²; thửa 398 diện tích 360 m²; thửa 414 diện tích 235m²; thửa 415 diện tích 460m²; thửa 416 diện tích 275m².

Sau khi cụ T1 mất, cụ T có hai lần họp gia đình để phân chia nhà đất nhưng không thành. Sau khi cụ T mất bà làm đơn đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà theo di chúc của cụ T. Khi xem xét di chúc của cụ T thì di chúc định đoạt cả phần tài sản của cụ T1 chung với cụ T nên xã có mời gia đình lên bàn bạc. Tại buổi hòa giải ngày 31/8/2011 có mặt bà ông C, bà N, bà Ng,

anh X. Nội dung buổi hòa giải đã thống nhất phần đất của cụ T1 để lại thì để xây dựng nhà thờ. Bà S có đề nghị xã về đo tất cả thửa đất lên rồi chia đôi ra để xác định đâu là phần của cụ T1 đâu là phần của cụ T cho rõ ràng nhưng xã không về đo nên đến nay tất cả mọi người đều không xác định được đâu là phần đất của cụ T1, nên không xác định được diện tích, kích thước mà chỉ nói chung là phần đất cụ T1 để lại thì để xây dựng nhà thờ, không xác định vị trí, diện tích hiện tại là bao nhiêu, không thỏa thuận giao cho ai quản lý. Căn cứ bản đồ năm 1985 thì diện tích 27000m² một nửa của cụ T1 là 1.350m². Đến nay bà S đề nghị cất 200m² đất tại vị trí có 5 gian nhà đang làm nơi thờ cúng để làm nhà thờ, phần còn lại chia cho các con, cháu. Quá trình công khai chứng cứ bà được biết ngày 13/6/1987 ông Lã Văn T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời 1370m² ở thửa 397 và năm 2004 ông Lã Văn T Bà Vũ Thị C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 615m² trên phần đất của ông T bà T trong khi các cụ không tặng cho, chuyển đổi, chuyển nhượng đất cho ông T, bà C. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T bà C là không đúng nên bà đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận tạm thời UBND huyện Hoa Lư đã cấp cho ông Lã Văn T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND thị xã Ninh Bình đã cấp cho ông Lã Văn T, Bà Vũ Thị C năm 2004.

Tại các bản tự khai anh Lã Văn Xuyên, Bà Vũ Thị C thống nhất lời trình bày của Bà Lã Thị S về quan hệ huyết thống và thời gian cụ T1, cụ T chết nhưng không thống nhất về di sản để lại và không đồng ý chia tài sản chung là di sản thừa kế hết thời hiệu.

Bà C trình bày, năm 1971 bà kết hôn với ông Lã Văn T. Khi bà lấy ông T về do nhà chật, đông người nên cụ T1, cụ T cho vợ chồng bà đất để làm nhà ra ở riêng. Khi xây nhà, cụ T còn cho vợ chồng bà vật liệu để làm. Gia đình bà đã làm nhà ở xây tường bao thành khuôn viên riêng, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước, quản lý và sử dụng đất ổn định từ đó đến nay hơn 40 năm, phần đất này đã được UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà là đúng. Do vậy phần diện tích đất này là tài sản của gia đình bà chứ không phải đất của cụ T1, cụ T. Còn đất ao vườn bà S đề nghị chia năm 1993 nhà nước thực hiện việc giao đất cho nông dân đất 313. Gia đình bà được cấp 1.296m² đất màu nhưng thực tế gia đình chỉ được giao 1.056m², số còn lại 240m² bị trừ vào diện tích ao, vườn gia đình bà đang sử dụng. Do vậy diện tích ao vườn là đất của vợ chồng bà nên bà không chấp nhận đề nghị của bà S đề nghị chia diện tích đất ao.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lã Văn C, bà Lã Thị N thống nhất với lời trình bày của bà S và đề nghị Tòa án chia tài sản chung là di sản thừa kế của bố mẹ để lại.

Bà N, anh H, anh Lã Văn H, anh Lã Văn T, chị Lã Thị L, chị Lã Thị L đều thống nhất lời trình bày của bà C không chấp nhận chia tài sản chung.

Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố N trình bày: Căn cứ vào hồ sơ lưu trữ tại UBND thành phố N thì việc UBND thị xã N nay là UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D135978 ngày 23/9/2004 tại thửa 123 tờ bản đồ số 5 PL6 thôn Đ, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình cấp cho ông Lã Văn T, Bà Vũ Thị C là việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dựa trên Giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất UBND huyện H đã cấp cho ông Lã Văn T ngày 13/6/1987 và trên cơ sở kê khai của ông Lã Văn T. Vì vậy UBND thị xã N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà C năm 2004 là có căn cứ đúng pháp luật,

Về Giấy chứng nhận tạm thời UBND huyện H cấp cho ông Lã Văn T ngày 13/7/1987 đến tháng 9/2004 UBND thị xã N cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà C là 17 năm cụ Lã Văn T, Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ của ông T không có ý kiến gì. Nay Bà Lã Thị S yêu cầu hủy 2 giấy chứng nhận trên là không có căn cứ chấp nhận.

Với nội dung trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 18/4/2017 Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định: Áp dụng Nghị quyết số 02/2004/NQ – HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 6/4/2016 và được công bố theo quyết định số 220/QĐ – CA ngày 6/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao. Căn cứ Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 – Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử

Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Lã Thị S đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Lã Văn T ngày 13/6/1987 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lã Văn T, Bà Vũ Thị C được cấp năm 2004 và yêu cầu chia tài sản chung là di sản thừa kế của cụ Lã Văn T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 29/4/2017 Bà Lã Thị S có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện chia tài sản chung là di sản thừa kế của bố bà; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để chia thừa kế của bố cho anh em theo quy định của pháp luật.

Tại quyết định kháng nghị số 02/QĐ – KNPT – VKD ngày 15/5/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS – ST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS – ST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án thành phố N giải quyết sơ thẩm lại vụ án về chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ Lã Văn T để lại với lý do: Ngày 11/12/2014 Bà Lã Thị S khởi kiện chia tài sản chung là di sản thừa kế của cụ Lã Văn T (chết năm 1993) đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế theo Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên ngày 1/1/2017 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Tại Điều 688 Bộ luật dân sự quy định “giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này”. Trường hợp trong vụ án này khi Bộ luật năm 2015 có hiệu lực pháp luật thì giao dịch về chia tài sản là di sản thừa kế do cụ T1 để lại chưa được giải quyết theo quy định của pháp luật. Điều 623 BLDS 2015 quy định “thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản” nên yêu cầu khởi kiện của bà S đề nghị chia tài sản chung là di sản thừa kế do cụ T1 để lại vẫn còn trong thời hiệu thừa kế phải được xem xét giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ T1 để lại mới đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của những người thừa kế theo quy định của Bộ luật dân sự 2015.

Ngày 17/7/2017 Bà Lã Thị S có đơn rút đơn khởi kiện nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh Lã Văn X và Bà Vũ Thị C không đồng ý việc bà S rút đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà S vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo và trình bày bố mẹ bà trước khi mất có tạo lập được khối tài sản chung là 2.700m² đất ở xã N, thành phố N. Khi còn sống bố bà còn sống không để lại di chúc cho vợ con và các đồng thừa kế cũng không thỏa thuận chia cho mỗi người được hưởng bao nhiêu diện tích, hiện nay Bà Vũ Thị C và anh Lã Văn X đang chiếm hữu sử dụng diện tích đất của ông T. Do không hiểu biết pháp luật nên bà đề nghị chia tài sản chung nhưng nay sau khi được giải thích pháp luật bà được biết thời hạn chia thừa kế di sản của cụ T1 vẫn còn theo quy định của pháp luật nên bà đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông T và đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lã Văn T, bà Vũ Thị C do UBND thị xã Ninh Bình cấp ngày 23/9/2004 và hủy Giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất số 01 ngày 13/6/1987 do UBND huyện H cho ông Lã Văn T.

Bà Vũ Thị C trình bày: năm 1969 bà kết hôn với ông T đến năm 1971 bố mẹ là ông T bà T đã cho bà đất để làm nhà ở, khi cho không có giấy tờ và bà cũng không biết bố mẹ cho vợ chồng bà bao nhiêu diện tích đất, bà chỉ biết khi được cho vợ chồng bà đã xây dựng nhà và ở trên đất đến nay đã hơn 40 năm nên diện tích đất hiện bà đang quản lý là của gia đình bà chứ không phải là di sản của cụ T1 cụ T như trình bày của bà S và những người liên quan. Đối với đất vườn thì do Hợp tác xã đã đổi đất 313 của gia đình bà ở ngoài đồng vào nên diện tích đất vườn bà đang sử dụng nên đất vườn là của bà. Bà S đề nghị chia di sản thừa kế của ông T bà không nhất trí vì đất là của bà.

Anh X không trình bày gì thêm nhất trí ý kiến mẹ anh là bà C đã trình bày.

Ông C, bà N trình bày: Bà C khai không đúng, diện tích đất bà C, anh X đang ở là di sản của bố mẹ ông bà để lại, đến nay bà C nói được bố mẹ cho thì đề nghị bà C xuất trình chứng cứ chứ không thể nói chung chung được, bà C nói đất của cụ T1, cụ T mà lấy trừ vào đất 313 của bà C ở ngoài đồng là không có căn cứ, đất cụ T1, cụ T là đất ông cha để lại chưa có quyết định thu hồi thì không thể lấy chia cho người khác. Bà C nói bà xây nhà và ở 40 năm là không đúng, đất của cụ T1, cụ T; bà C chỉ làm vườn bà C ông T không ở đó mà ở nơi khác, đến năm 2012 bà C mới xây dựng tường bao quanh nên anh em mới xảy ra tranh chấp. Đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản của cụ T1, cụ T theo quy định của pháp luật, do không hiểu biết pháp luật nên ông bà mới đề nghị chia tài sản chung còn đến nay Tòa án giải thích pháp luật ông bà đã hiểu và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật chia thừa kế di sản của cụ T1 để đảm bảo quyền lợi cho ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị số 02/QĐ – KNPT – VKD ngày 15/5/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình. Trong bài phát biểu ý kiến thể hiện:

- Về việc chấp hành pháp luật: Trong quá trình tố tụng, thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự cơ bản chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Bà Lã Thị S và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình hủy bản án dân sự sơ thẩm số 02/DSST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét yêu cầu kháng cáo của bà S và Kháng

ngợi của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 29/4/2017 Bà Lã Thị S có đơn kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên đơn kháng cáo của bà S được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 15/5/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình có quyết định kháng nghị số 02/QĐ – KNPT – VKS kháng nghị bản án sơ thẩm số 02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh T, chị L, chị L, anh H, bà Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt; đại diện Ủy ban nhân dân thành phố N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Cụ Lã Văn T (chết năm 1993) không để lại di chúc và cụ Nguyễn Thị T (mất 2009) có để lại di chúc. Hai cụ sinh được 7 người con chung là ông Lã Văn Yên (liệt sỹ năm 1968) có vợ là Tạ Thị Ng con trai là Lã Văn H; ông Lã Văn K (liệt sỹ năm 1968) không có vợ con; ông Lã Văn B (liệt sỹ) không có vợ con; ông Lã Văn T (chết năm 2005) có vợ là Vũ Thị C và 4 con là Lã Văn X, Lã Thị L, Lã Thị L, Lã Văn T; Ông Lã Văn C; bà Lã Thị N; bà Lã Thị S.

Theo bà S khai khi còn sống bố mẹ bà có khối tài sản là đất của ông cha để lại có tổng diện tích là 2.700m² mang tên bố bà và đã được đứng tên trên bản đồ địa chính năm 1985. Khi thực hiện di chúc của cụ T thì mới biết cụ T đã định đoạt cả phần tài sản của cụ T1. Tại biên bản hòa giải ngày 31/8/2011 có mặt bà S ông C, bà N, bà N, anh X đã thống nhất phần đất của cụ T1 để lại xây nhà thờ nhưng không xác định được đâu là phần đất của cụ T1 và với diện tích là bao nhiêu mét vuông, giao cho ai quản lý. Đến ngày 10/12/2014 bà S khởi kiện đề nghị Tòa án chia tài sản chung là di sản thừa kế của cụ T1 để lại. Thời điểm bà S khởi kiện chia tài sản chung là di sản thừa kế của cụ T1 đang thi hành Bộ luật dân sự năm 2005 và theo quy định tại Điều 645 BLDS 2005 thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là 10 năm. Như vậy tính đến ngày bà S khởi kiện đến Tòa án thì đã hết thời hiệu thừa kế của cụ T1 theo Bộ luật dân sự năm 2005. Bà S đưa ra căn cứ để chứng minh di sản hết thời hiệu thừa kế của cụ T1 trở thành tài sản chung của các đồng thừa kế là biên bản họp gia đình ngày 31/8/2011 nhưng biên bản họp gia đình ngày 31/8/2011 lập sau thời hạn 10 năm và thành phần tham gia họp không đủ những người trong hàng thừa kế, trong biên bản họp không xác

định vị trí của di sản thừa kế và diện tích là bao nhiêu. Đến nay bà C, anh X cho rằng khi còn sống cụ T1, cụ T đã cho ông T diện tích đất không đồng ý chia tài sản của cụ T1. Căn cứ Nghị quyết 02/2004/HĐTP thì không đủ điều kiện di sản thừa kế của cụ T1 đã hết thời hiệu trở thành tài sản chung của các đồng thừa kế. Tuy nhiên đến thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án thì Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật. Tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 quy định “thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản”. Cụ Lã Văn T chết năm 1993 đến nay vẫn còn thời hạn chia thừa kế di sản của cụ T1 theo Bộ luật dân sự 2015. Quá trình giải quyết vụ án Bà Lã Thị S chỉ đề nghị chia tài sản chung là di sản thừa kế mà không đề nghị chia di sản thừa kế của cụ T1, tại phiên tòa bà S cũng không đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”. Trong vụ án này mặc dù đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì thời hiệu chia thừa kế của cụ T1 vẫn còn theo BLDS 2015 nhưng do bà S không thay đổi yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét chia thừa kế di sản của cụ T1 được. Theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 thì Bà Lã Thị S có quyền khởi kiện vụ án chia thừa kế di sản của cụ T1 để lại theo thủ tục chung nếu bà có yêu cầu. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Lã Thị S và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị áp dụng Điều 688 và Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết yêu cầu của Bà Lã Thị S từ yêu cầu chia tài sản chung là di sản thừa kế của cụ T1, sang yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T1.

Đối với kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ diện tích đất của cụ T1 trên bản đồ qua các thời kỳ có sự chênh lệch về diện tích năm 1985 diện tích là 2.700m²; năm 1997 diện tích là 2.950m²; năm 2006 diện tích là 1.959m²; kết quả thẩm định của Tòa án tổng diện tích có tranh chấp 2.666m². Chưa xác minh tại cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để làm rõ diện tích đất bà C đang quản lý sử dụng trước đây đã quy đổi đất 313 như thế nào, Hội đồng xét xử thấy như phần trên đã phân tích Tòa án xét xử trên cơ sở đơn đề nghị của Bà Lã Thị S là chia tài sản chung là di sản thừa kế và điều kiện để di sản thừa kế chuyển thành tài sản chung của các đồng thừa kế không đảm bảo theo quy định của Nghị quyết 02/2004/NQ – HĐTP ngày 10/8 /2004 của Tòa án nhân dân Tối Cao, không có căn cứ chia tài sản chung nên không cần thiết phải xác minh làm rõ diện tích đất là di sản của cụ T1 có sự chênh lệch trên các bản đồ và diện tích đất của bà C quy đổi đất 313.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND thành phố N cấp cho ông Lã Văn T Hội đồng xét xử thấy. Tòa án giải quyết vụ án chia tài sản

chung là di sản thừa kế nhưng không có căn cứ chia tài sản chung, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của Bà Lã Thị S đề nghị chia tài sản chung trong khi đến nay theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 thì vẫn còn thời hiệu khởi kiện vụ án chia thừa kế đối với di sản của cụ T1. Do không phải là vụ án chia di sản thừa kế nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra xác minh tại thời điểm mở thừa kế di sản thừa kế của cụ T1 gồm những tài sản gì, hiện nay ai đang quản lý tài sản đó, chưa điều tra các căn cứ để cấp GCNQSD đất cho ông T trên phần đất của cụ T1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bác yêu cầu đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư cấp cho ông T năm 1987 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lã Văn T Bà Vũ Thị C được cấp năm 2004 là ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế của cụ T1. Trong vụ án đề nghị chia tài sản chung nhưng không có căn cứ chia tài sản chung và thời hiệu yêu cầu chia thừa kế vẫn còn do vậy yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND thành phố N cấp cho ông Lã Văn T không liên quan đến vụ án chia tài sản chung mà phải xem xét trong vụ án chia thừa kế di sản của cụ T1 mới đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Do vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Lã Thị S và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T bà C.

Do chị Lã Thị S được chấp nhận đơn kháng cáo nên không phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Nghị quyết số 02/2004/NQ – HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 – Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 148; Khoản 1 – Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Bà Lã Thị S và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N.

Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Lã Thị S đề nghị chia tài sản chung là di sản thừa kế của cụ Lã Văn T.

Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời UBND huyện H cấp cho ông Lã Văn T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lã Văn T Bà Vũ Thị C không liên quan đến vụ án chia tài sản chung mà sẽ được xem xét trong vụ án chia thừa kế di sản của cụ T1 khi đương sự yêu cầu.

Án phí phúc thẩm: Bà Lã Thị S không phải nộp được hoàn lại 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000485 ngày 11/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N.

Quyết định về án phí sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (2);
- Phòng KTNV (1);
- TAND thành phố N (1);
- Chi cục THADS thành phố N (1);
- Đương sự (11);
- Lưu HS, VP, Tòa DS (3)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa

